

CHUYỂN DỊCH LAO ĐỘNG CỦA HỘ NÔNG DÂN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TỪ NHỮNG NĂM 1990

Hồ Cao Việt

Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam

1. Đặt vấn đề

Theo lý thuyết *các giai đoạn tăng trưởng kinh tế của Rostow* (1976), trong giai đoạn chuẩn bị “cất cánh kinh tế”, một trong các yếu tố quan trọng đó là tăng năng suất lao động, cho đến giai đoạn nền kinh tế trưởng thành (*la marche vers la maturité*) thì một lượng lớn lao động chuyển từ nông thôn sang ngành khác, từ nông thôn ra thành thị. Chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang các lĩnh vực khác trong nền kinh tế nước ta trong bối cảnh sức đẩy lao động thừa ở nông thôn ra lớn hơn nhiều lần sức hút lao động ở đô thị (Đặng Kim Sơn, 2001), từ đó nảy sinh nhiều bất cập như mất cân đối cung - cầu lao động tại chỗ ở vùng nông thôn, thiếu hụt nhân công nông nghiệp mang tính thời vụ, giá nhân công nông nghiệp tăng, giảm sức cạnh tranh về giá thành nông sản. Hơn nữa, nông dân phải áp dụng kỹ thuật tiết kiệm và thay thế lao động để giảm nhân công, hình thức hợp tác, tổ chức sử dụng lao động mới xuất hiện mang tính chuyên nghiệp, chuyên môn hóa cao.

Nghiên cứu này giải đáp những câu hỏi đặt ra là: Lao động nông nghiệp ở vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) chuyển biến và có những động thái như thế nào trong những năm qua và xu hướng sắp tới? Hộ nông dân phải làm gì trong bối cảnh đó? Tác động của quá trình chuyển dịch lao động với nông nghiệp - nông thôn như thế nào? Nhà nước cần có những chính sách phù hợp cho quá trình chuyển dịch này? .

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Nhận dạng, phân tích thực trạng, đánh giá động thái chuyển đổi và sử dụng nguồn nhân lực của hộ nông dân vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL);
- Đề xuất các giải pháp nhằm sử dụng hợp lý nguồn nhân lực nông thôn vùng ĐBSCL.

3. Phương pháp nghiên cứu

Kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính (phân tích SWOT) và định lượng (thống kê mô tả và thống kê so sánh) dựa trên nguồn số liệu điều tra kinh tế - xã hội của 2.215 nông hộ trên địa bàn Cần Thơ, Hậu Giang, Long An và Sóc Trăng từ 1995-2005.

4. Kết quả và thảo luận

4.1 Các mô hình lý thuyết vận dụng để phân tích về chuyển dịch lao động

- Mô hình nguồn lao động vô hạn và thị trường không hoàn hảo của Lewis;
- Mô hình chuyển lao động nông thôn ra thành thị của Todaro;
- Mô hình Barnum - Squire và Allan Low về ảnh hưởng của thị trường lao động và giới tính.
- Mao và Schive (1995): phát triển công nghiệp ở Đài Loan, tỉ lệ lao động nông nghiệp tăng lên rất nhanh và di cư về khu vực thành thị, đóng góp đáng kể cho khu vực phi nông nghiệp.

4.2 Hiện trạng và động thái sử dụng nguồn nhân lực nông nghiệp ở ĐBSCL

Những vấn đề đáng chú ý về sử dụng nguồn nhân lực ở ĐBSCL:

- Dân số lao động nông nghiệp chuyển dịch nhanh chóng trong việc đa dạng hóa ngành nghề, cơ hội tìm kiếm việc làm và di cư về thành thị ngày càng tăng;
- Tỉ lệ lao động nông nghiệp sử dụng thời gian hữu dụng còn rất thấp, thời gian nhàn rỗi (nông nhàn) ở khu vực nông thôn còn rất lớn;
- Thời gian đóng góp cho phi nông nghiệp của nhóm hộ nghèo, hộ ít đất thấp hơn rất nhiều so với hộ giàu có diện tích đất tương đối lớn. Vì thế, quy mô ruộng đất là yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng nguồn lao động khả dụng ở khu vực nông thôn;
- Quy mô gia đình và lao động khả dụng của nhóm hộ khá - giàu thấp, dẫn đến việc sử dụng cơ giới hóa và sử dụng hoá chất cũng như cải tiến quy trình kỹ thuật nhằm *tiết kiệm lao động* (labor saving) của nhóm hộ giàu nhanh chóng hơn nhóm hộ nghèo.

Sử dụng lao động khả dụng theo ngành nghề và quy mô diện tích đất

- Tổng cục thống kê (2002): Kết quả điều tra mức sống hộ gia đình năm 2002: ĐBSCL có 16,9% nhân khẩu trong độ tuổi lao động (trên 15 tuổi)¹ làm thuê, làm công trong ngành phi nông nghiệp; 14,9 % làm công làm thuê cho nông nghiệp (nông, lâm và thủy sản); 47,4% tự làm nông nghiệp, tự sản xuất nông nghiệp quy mô hộ gia đình; 20,8 % tự làm phi nông nghiệp (ngành sản xuất, chế biến, dịch vụ tại chỗ, quy mô gia đình vừa sử dụng lao động của hộ, vừa làm chủ).

¹ Lao động quy đổi tính theo tuổi, được tính là 1 lao động nếu nam độ tuổi từ 15-60, nữ từ 15-55.

- Như vậy, 62,3% lao động hoạt động trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp, gồm lao động nông nghiệp cho gia đình (tự làm) và lao động làm công làm thuê; 37,7 % lao động còn lại đóng góp cho phi nông nghiệp.

- Số liệu điều tra kinh tế - xã hội giai đoạn 1995 - 2005 cho thấy một số vấn đề và hiện tượng:

(i) Sự khan hiếm (tương đối) lực lượng lao động trẻ ở nông thôn những năm gần đây rất phổ biến ở ĐBSCL, sự năng động của lực lượng lao động trẻ trong xu thế nông nghiệp không còn là sự chọn lựa duy nhất và không là ngành đảm bảo nguồn thu nhập tiền mặt cần thiết cho gia đình;

(ii) Hiện tượng khá phổ biến hiện nay ở nông thôn Việt Nam nói chung và ĐBSCL nói riêng là sau mỗi mùa vụ chỉ còn người lớn tuổi và trẻ con ở lại nông thôn, là lao động lớn tuổi (cha mẹ, ông bà...), có trình độ văn hóa thấp, ít hoặc không được giới chủ nhà máy/hãng xưởng quan tâm tuyển dụng, không có nghề nghiệp chuyên môn, chịu trách nhiệm duy trì và quản lý hoạt động nông nghiệp của nông hộ (đối với hộ không ly nông).

(iii) Thu nhập từ nhóm lao động làm việc phi nông nghiệp, làm thuê nông nghiệp thường cao hơn nhóm lao động nông nghiệp tại chỗ.

(iv) Sức lao động đóng góp cho nông nghiệp gia đình khoảng 63%, gần 40% cho phi nông nghiệp và làm thuê nông nghiệp.

- Nguyên nhân các vấn đề nêu trên:

(i) Cơ hội việc làm phi nông nghiệp còn thấp ở vùng nông thôn nên chưa sử dụng hết lượng cung lao động nông nghiệp dư thừa tiềm năng;

(ii) Sức hút lao động từ thành thị chưa đủ, đòi hỏi trình độ tay nghề cao hạn chế khả năng tìm việc làm của lực lượng lao động nông thôn chuyển ra thành thị;

(iii) Mặc dù sản xuất nông nghiệp ở ĐBSCL đã và đang chuyển sang giai đoạn *thâm dụng vốn (capital intensive)* và công nghệ, nhưng vẫn cần sử dụng một lượng lớn lao động thủ công theo hướng *thâm dụng lao động (labor intensive)*. Hộ có diện tích đất canh tác ít (dưới 1 ha), lao động đóng góp cho nông nghiệp cao hơn hộ có diện tích đất rộng (trên 1 ha);

(iv) Những ngành nghề đòi hỏi đầu tư vốn, kỹ năng tập trung ở những hộ khá - giàu và thu hút lao động trong độ tuổi từ 21-35 (Dương Ngọc Thành, 2007: khảo sát ở Cần Thơ có 52% lực lượng lao động có độ tuổi 15-30);

(v) Giữa các nhóm hộ có quy mô diện tích đất khác nhau có khuynh hướng sử dụng nguồn nhân lực khác nhau: hộ càng nhiều đất thì số lao động nông nghiệp, thời gian đóng góp cho sản xuất nông nghiệp càng thấp;

(vi) Theo lý thuyết *chu kỳ phát triển của nông hộ và vòng quay nhân khẩu* của Tchayanov² thì khả năng thừa kế nhân lực cho nông nghiệp là vấn đề lớn đối với nhóm hộ có quy mô đất tương đối lớn ở ĐBSCL trong 10-20 năm tới.

Xu hướng áp dụng kỹ thuật tiết kiệm lao động ở ĐBSCL

- Sản xuất nông nghiệp thời kỳ 1995 - 2005 đã chuyển sang xu hướng *thâm dụng vốn (capital intensive)*, sử dụng hóa chất và cơ giới hóa thay thế cho xu hướng thâm dụng lao động. Xuất hiện những *kỹ thuật tiết kiệm lao động (labor saving techniques)*.

- Từ đầu những năm 1980, *cơ giới hóa từng phần* các công đoạn tiêu tốn nhiều lao động đã xuất hiện. Thời kỳ đầu thập niên 1990, với sự phát triển khuyến nông và chuyển giao kỹ thuật, nông được và cơ giới hóa được áp dụng rộng rãi hơn. Với diện tích đất/hộ rộng, tăng từ 1 vụ lên 2-3 vụ/năm, tính thời vụ cao, nhưng năng suất lao động thấp³, vùng khan hiếm lao động phải áp dụng kỹ thuật tiết kiệm lao động. Áp lực thiếu lao động hộ nghèo thấp hơn hộ khá - giàu. Lao động gia đình được ưu tiên và tận dụng cho sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên, khi hoạch toán vào chi phí sản xuất thì việc sử dụng lao động kém hiệu quả so với hiệu quả cơ hội mang lại từ các ngành phi nông nghiệp.

- *Vì sao lao động nông thôn trở nên khó khăn vào những thời điểm đông ken, vào vụ ở một số vùng (?)*. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra vấn đề thừa lao động ở nông thôn do diện tích đất bình quân thấp, do tỉ lệ sinh cao (1,18 % năm 2002). Tuy nhiên, những vùng mật độ dân cư thấp (khoảng 300 người/km²) như tỉnh Long An, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau, Kiên Giang diện tích đất nông nghiệp/lao động vẫn tương đối cao, những vùng có khả năng tăng vụ, phát triển công nghiệp và nằm gần khu công nghiệp - dịch vụ lớn (Đức Hòa, Châu Thành - Long An, Châu Thành A - Hậu Giang...), việc khan hiếm lao động thời vụ, giá thuê lao động tăng cao và nhất là xuất hiện những tổ nhóm lao động chuyên (như Thái Lan trong những năm 1960-65, Pasuk Phongpaichit and Chris Baker (1999).

- Quan hệ sản xuất làm thay đổi quan hệ xã hội trong cộng đồng nông dân, từ quan hệ họ tộc - làng xóm chuyển sang quan hệ kinh tế (mua - bán sức lao động, trả lương công nhật), mặc dù thị trường lao động chưa định hình rõ nét ở vùng nông thôn, nhưng manh nha có sự thương lượng, cạnh tranh giá nhân công thuê giữa đại diện các tổ nhóm lao động làm thuê và với nông dân (thuê lao động). Nhờ vậy, giá nhân công nông nghiệp tăng tương ứng với giá nhân công công nghiệp - dịch vụ ở vùng thành thị, tăng cơ hội tăng thu nhập cho nông hộ ít đất - thừa lao động (Việt, 2005). Làn sóng nông dân trẻ, lao động nông thôn trẻ di cư về thành thị, ban đầu chỉ mang tính thời vụ, dần dần định cư lâu dài ở các khu đô thị và thành phố, tạo cơ hội tiếp cận với văn minh. Einhard và Volker (2004): ở nước đang phát triển, hộ nông dân cho con ra thành thị, thuê/ mua nhà, kiếm việc, sinh sống... chỉ có thế hệ lớn tuổi bám trụ nông thôn gọi là *mô hình kéo - đẩy (pull-push)* tương tự như chính sách *Ly hương bắt ly nông* (ở Trung Quốc) khuyến khích hộ khá không bán đất nông nghiệp, kiến thức tổng quát, tiến bộ

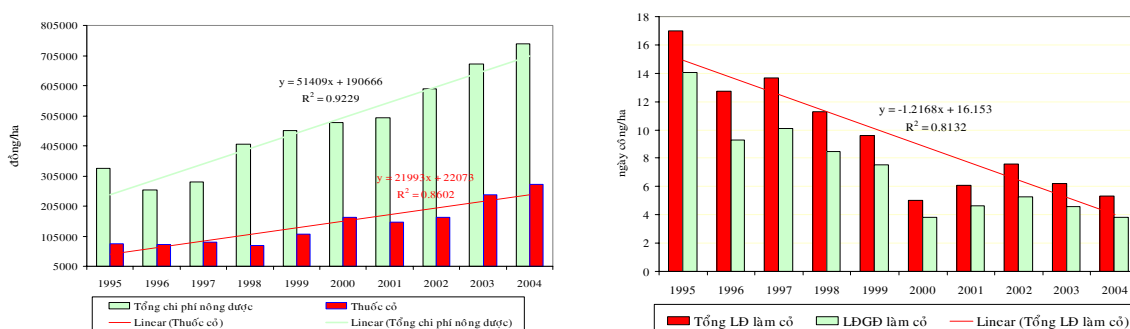
² Tài liệu đã dẫn. Đào Thế Tuấn (1997). *Kinh tế hộ nông dân*. Nhà xuất bản chính trị quốc gia.

³ Theo nông dân: với sức kéo và lao động thủ công (1 người và 1 trâu/bò) mỗi ngày chỉ có thể cày bừa được tối đa 2 ha đất, trong khi đó với máy cày nhỏ hoặc máy xới cầm tay (khoảng 12 mã lực), có thể cày từ 5 - 7 ha đất/ngày.

nông nghiệp, văn minh thành thị được con em nông dân tiếp cận, hấp thụ và truyền bá cho vùng nông thôn, góp phần tăng lợi tức nông nghiệp và cải thiện thu nhập.

- Các kỹ thuật tiết kiệm lao động như: sử dụng nông dược (thuốc trừ cỏ), cơ giới hóa, hợp lý hóa phân công lao động.

* Sử dụng nông dược là một xu hướng tiết kiệm lao động của hộ nông dân ĐBSCL. Chi phí thuốc trừ cỏ có xu hướng tăng, trong khi đó, tỉ lệ hộ làm cỏ bằng lao động thủ công có xu hướng giảm đến 50 % trong giai đoạn 1995-2004. Áp dụng kỹ thuật tiết kiệm lao động đòi hỏi có vốn, kỹ năng. Do đó, nhóm hộ nghèo áp dụng còn hạn chế với mức độ thấp hơn nhóm hộ khá-giàu (hình 1).

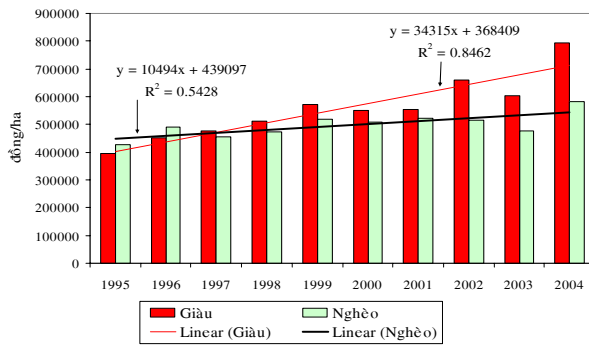


Hình 1. Xu hướng tăng chi phí nông dược nhằm giảm lao động thủ công, ĐBSCL, 1995-2004.

- Liệu hộ nghèo có thể áp dụng kỹ thuật tiết kiệm lao động như hộ giàu hay không (?).

Thời kỳ 1995-2004, số hộ nghèo sử dụng thuốc và chi phí thuốc trừ cỏ tăng mặc dù lao động gia đình luôn dư thừa. Hộ nghèo đầu tư lao động gia đình cho nông nghiệp ở mức độ hạn chế, khi giá nhân công tăng, thu nhập cơ hội từ làm thuê và phi nông nghiệp tăng, họ giảm số lao động nhờ áp dụng kỹ thuật tiết kiệm lao động như nhóm hộ khác, sử dụng lao động gia đình cho phi nông nghiệp để tăng thu nhập. Đây là xu thế phổ biến trong những năm gần đây.

* Cơ giới hóa: Ở ĐBSCL, máy móc cơ giới được du nhập khá sớm phục vụ khâu làm đất trên cơ sở cải tiến mẫu máy của Viện nghiên cứu lúa gạo quốc tế (IRRI) và máy viện trợ cho phù hợp với điều kiện đồng ruộng. Xét tổng thể vùng, số lượng máy cơ giới và chi phí thuê máy tăng, nhưng vốn đầu tư cho cơ giới ít biến động. 1990-2000: cơ giới hóa các khâu làm đất, thu hoạch nên chi phí thuê máy tăng. Cơ giới hóa ở hộ khá - giàu diễn ra nhanh do thiếu hụt lao động chân tay mà lao động gia đình không đáp ứng đủ, họ có khả năng vốn, quy mô ruộng đất tương đối khá (hình 2). Trong trường hợp sản xuất lúa, lao động thủ công cho khâu thu hoạch lúa chiếm trên 30% tổng nhu cầu lao động mỗi vụ, do đó đưa cơ giới hóa vào khâu thu hoạch được xem là cuộc cách mạng giảm nhân công ở ĐBSCL trong thập niên gần đây.



Hình 2. Xu hướng tăng chi phí thuê máy cơ giới hóa, ĐBSCL, 1995-2004

* Hợp lý hóa phân công lao động: là một trong những biện pháp tiết kiệm lao động thủ công

- Nhóm hộ khá-giàu có diện tích đất rộng nhưng nhân lực gia đình chỉ đáp ứng khoảng 8-22 %. Hầu hết các công việc nặng, độc hại, chưa thể thay thế hoàn toàn bằng máy như: phun thuốc, vận chuyển, gom bó lúa ... hộ thường phải thuê lao động, lao động gia đình tham gia rất hạn chế. Chi phí thuê nhân công⁴ và thuê máy⁵ tăng. Tuy nhiên, cơ giới hóa dưới hình thức thuê máy và tự trang bị máy móc tác động đến nhóm hộ này vì:

(i) Phụ thuộc vào lao động làm thuê khi chưa có thị trường lao động và nguồn cung lao động ổn định;

(ii) Phải có vốn tiền mặt để thuê nhân công;

(iii) Chi khấu hao và biến phí cao;

(iv) Rủi ro tăng chi phí sản xuất và giá thành nông sản (Việt, 2005) (*phân tích độ nhạy* - sensitive analysis: tăng 10 % chi thuê máy và thuê lao động làm tăng 27 % chi phí sản xuất, giá thành tăng 1,27 lần (Hồ Cao Việt, 2002; Hồ Cao Việt, 2001).

- 1995-2000: hộ khá - giàu mua máy cày (87,5 % hộ), máy tuốt lúa (80 % hộ). Tỷ lệ hộ đầu tư máy sảy cao nhằm tăng chất lượng lúa và làm dịch vụ. Hộ trồng lúa sản lượng thu hoạch lớn (60-65 tấn/năm)⁶, đưa cơ giới hóa vào khâu tồn trữ và sau thu hoạch là rất quan trọng. Hoạt động thu mua - phơi sảy - xay xát - tồn trữ lúa của tư thương rất phát triển ở ĐBSCL đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa khâu sau thu hoạch.

- Trong thực tế, số lượng máy móc giảm ở một số hộ do:

⁴ Điều tra kinh tế - xã hội, 2003-2004: giá lao động thuê bình quân 28.482 đồng/ngày công, 38 ngày công thuê, tương đương 1.082.316 đồng (23,8% biến phí).

⁵ Điều tra kinh tế - xã hội, 2003-2004: thuê máy cày bình quân 315.937 đồng/ha (6,9% biến phí); máy tuốt lúa: 170.819 đồng (chiếm 3,8%); máy sảy lúa 118.637 đồng (chiếm 2,6%). Tổng chi phí thuê máy: 605.394 (13,3% biến phí); cộng gộp với chi phí thuê lao động, tổng chi thuê máy và lao động chiếm 37%.

⁶ Điều tra kinh tế-xã hội, 2003-2004: Năng suất bình quân 5.255 kg/ha, diện tích lúa bình quân/hộ/năm 2 vụ x 6,15 ha/vụ. Năng suất lúa bình quân toàn xã từ 4,1 - 4,5 tấn/ha.

(i) Thiếu lao động gia đình để quản lý, bảo trì và khai thác có hiệu quả;

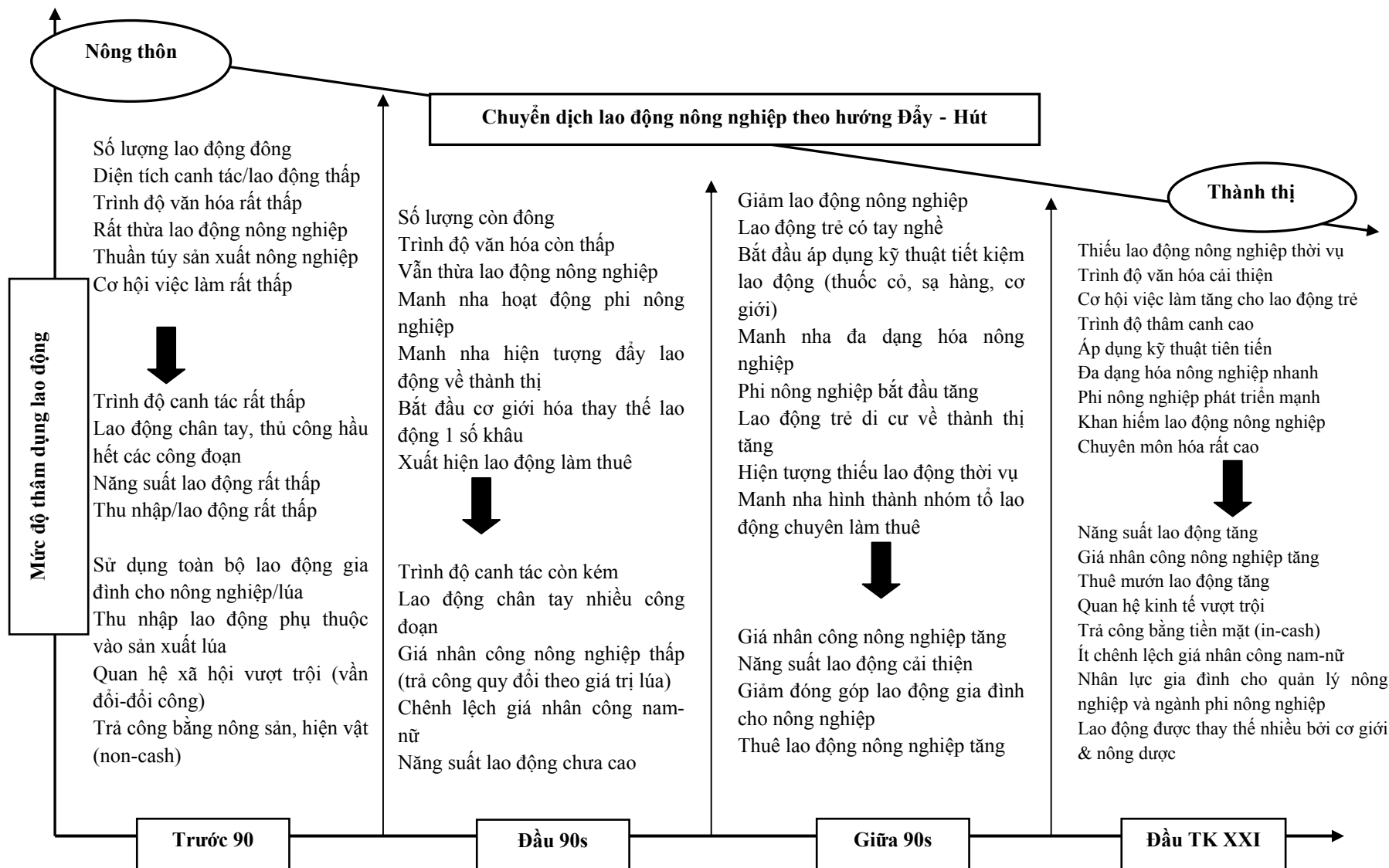
(ii) Dịch vụ cho thuê máy nông nghiệp phát triển nhanh trong những năm gần đây.

Qua đó cho thấy:

(i) Tính chuyên môn hóa ngày càng cao trong sản xuất lúa nói riêng và nông nghiệp nói chung;

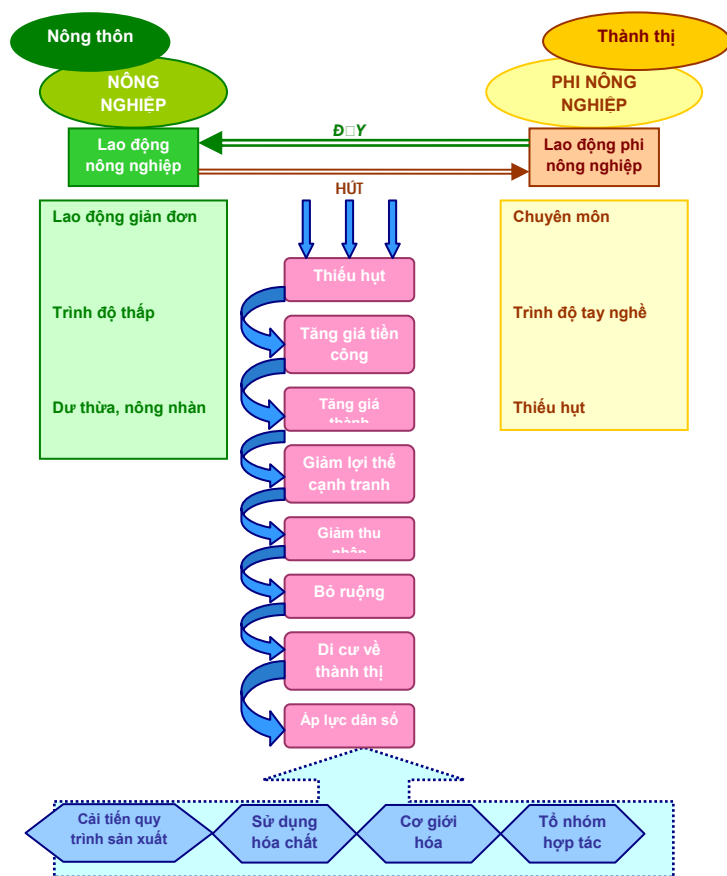
(ii) Xu hướng làm thuê nông nghiệp ngày càng tăng và thiếu nguồn nhân lực cho nông nghiệp.

Động thái chuyển dịch lao động nông nghiệp vùng ĐBSCL có thể khái quát hóa như sau (hình 3)



Hình 3. Động thái chuyển dịch lao động nông nghiệp vùng ĐBSCL từ 1990s - nay.

4.3 Nguyên nhân và hậu quả quá trình chuyển dịch lao động ở ĐBSCL



Hình 5. Chuyển dịch nguồn nhân lực nông thôn và các vấn đề phát sinh

Nguyên nhân, tác động của chuyển dịch lao động nông nghiệp vùng ĐBSCL được khái quát hóa như sau (hình 5).

Khan hiếm lao động nông nghiệp

- Trong sản xuất nông nghiệp, xu hướng giảm lao động chân tay khoảng 50% trong vòng 10 năm qua (1995-2004). Tuy nhiên, để cơ giới hóa có hiệu quả đòi hỏi phải thỏa mãn một số điều kiện:

- (i) Quy mô đất đủ lớn;
- (ii) Khả năng vốn đầu tư;
- (iii) Trình độ và năng lực của người vận hành;
- (iv) Xu hướng nền kinh tế và tập quán xã hội.

- Hộ nghèo có xu hướng sử dụng nhiều lao động gia đình cho sản xuất nông nghiệp hơn hộ khá giàu. Tuy nhiên, 30% lao động gia đình tham gia các hoạt động

ngoài nông nghiệp. Trong khi đó, hộ khá - giàu có xu hướng thuê lao động, khoảng 30% lao động gia đình sử dụng cho nông nghiệp, 60% cho phi nông nghiệp và dịch vụ, một lượng lao động từ hộ nghèo chuyển sang làm thuê cho hộ giàu. Qua đó, thị trường lao động dần dần hình thành ở vùng nông thôn, nhiều nông dân chuyên làm thuê và nhiều hộ chuyên thuê mướn lao động nông nghiệp với giá nhân công theo mức thỏa thuận, vừa giải quyết thiếu hụt lao động, vừa tăng thu nhập cho nhóm nông dân ít đất và hộ không đất.

- Xu hướng chung trong việc sử dụng lao động giữa các nhóm hộ:

(i) Lao động chân tay sử dụng cho nông nghiệp của nhóm hộ khá - giàu luôn thấp hơn hộ nghèo;

(ii) Áp dụng các kỹ thuật tiết kiệm lao động còn nhiều hạn chế ở nhóm hộ nghèo;

(iii) Một lượng lớn lao động gia đình của hộ nghèo sử dụng cho nông nghiệp.

4.3.2 Hậu quả quá trình chuyển dịch lao động

Do chuyển dịch lao động diễn ra khá nhanh ở vùng ĐBSCL trong thập niên vừa qua đã dẫn đến một số vấn đề:

- Hầu hết con em nông dân đều chưa được chuẩn bị đầy đủ các kỹ năng, trình độ, tay nghề để hội nhập vào nền sản xuất công nghiệp, dịch vụ ở các khu đô thị và thành phố lớn. Do đó, tìm kiếm việc làm của lao động nông nghiệp trẻ thường tập trung những việc nặng nhọc, lương bổng thấp, nhưng không có sự chọn lựa nào khác vì họ khó tồn tại ở nông thôn trong điều kiện ít đất hoặc không đất;

- Khi một lượng lớn lao động nông thôn được “kéo đi” hoặc “đẩy về” thành thị, thiếu hụt lao động cho nông nghiệp là điều đã và đang diễn ra ở ĐBSCL. Điều đó dẫn đến giá lao động tăng, chất lượng lao động kém, chi phí đầu tư lao động tăng, hiệu quả sản xuất giảm và lợi nhuận sản xuất nông nghiệp giảm. Nhìn rộng hơn, một số mặt hàng nông sản giảm lợi thế cạnh tranh do giá thành sản xuất tăng;

- Vùng đô thị và ven đô chịu áp lực lớn của di cư lao động và tăng dân số cơ học, đời sống kinh tế - xã hội chịu nhiều ảnh hưởng;

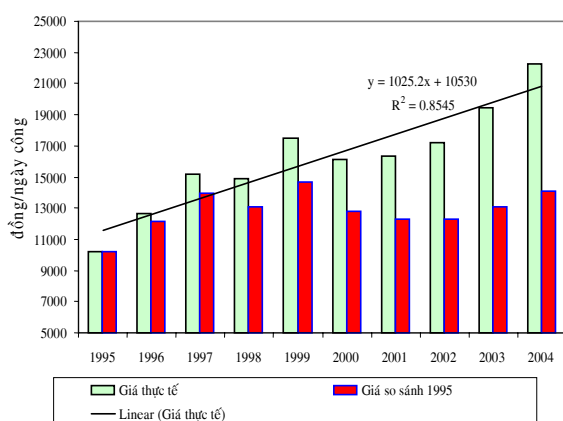
- Việc thiếu hụt lao động và áp dụng kỹ thuật tiết kiệm lao động, nhất là sử dụng nông dược quá mức đã dẫn đến những tác động môi trường, sức khỏe con người vùng nông thôn đã được nhiều nhà khoa học trong và ngoài nước cảnh báo.

Biến động giá thuê mướn lao động nông nghiệp:

Ở ĐBSCL có xu hướng tăng giá thuê nhân công nông nghiệp trong thập niên gần đây.

- Trong sản xuất lúa, giá thuê lao động làm cỏ biến động từ 6.000 - 15.000 đồng/ngày công năm 1995, tăng lên hơn gấp 2 lần trong 10 năm sau đó (2004) từ 15.000 đến 35.000 đồng/ngày công. Nếu tính giá so sánh năm 1995, giá thuê mướn lao động năm 2004 tăng khoảng 57 % (từ 11.000 - 18.000 đồng/ngày công) so với năm 1995. Giá thực tế bình quân thuê mướn lao động làm cỏ từ 10.000 đồng tăng lên 22.000 đồng, giá so sánh biến động theo hướng tương tự (hình 6).

- Giai đoạn 1995 - 2004, giá thuê mướn lao động công đoạn làm cỏ nói riêng và giá thuê lao động bình quân nói chung không khác biệt giữa một số vùng sinh thái ở ĐBSCL. Tuy nhiên, xu hướng tăng ở những vùng có khả năng thu hút lao động nông nghiệp. Chênh lệch giá nhân công nông nghiệp và công nghiệp - dịch vụ giảm dần, dần dần hình thành thị trường lao động.



Hình 6. Biến động giá thuê nhân công nông nghiệp, ĐBSCL, 1995-2004.

Hình thành nhóm (tổ) lao động chuyên nghiệp:

- Trong thập niên gần đây và nhất là trong vài năm gần đây, các hình thức liên kết trong sản xuất ngày càng đa dạng và phát triển theo hướng chuyên môn hóa cao nhằm hạn chế một số rủi ro và trở ngại trong sản xuất (thiếu vốn, thiếu lao động). Trong thực tế, xét tương quan giữa 2 yếu tố đất đai - lao động có sự tồn tại 2 nhóm hộ: (i) hộ thiếu đất - thừa lao động và (ii) hộ thừa đất - thiếu lao động; Nhóm (ii) có lượng cầu lao động cho sản xuất cao, trong khi đó, nhóm (i) cần bán/trao đổi, khai thác sức lao động dư thừa.

Khi thị trường lao động chưa hình thành rõ nét, nhóm (i) “bán” sức lao động qua một thị trường không chính thức, đó là sự hình thành những nhóm (tổ) lao

động, có tổ chức, có người đứng đầu, không chính thức, không có tư cách pháp nhân...nhưng những nhóm (tổ) này đã góp phần làm phong phú nguồn cung lao động cho vùng nông thôn trong những năm gần đây, nhất là những vùng sản xuất tăng vụ và những vùng có diện tích đất nông nghiệp bình quân tương đối lớn.

- Các nhóm (tổ) này dần dần “triệt tiêu” mối quan hệ sử dụng lao động theo *phương thức truyền thống* là “vần - đổi công” và thay thế vào đó là phương thức mang tính chất mua - bán *trao đổi kinh tế (người thuê - người làm thuê*. Hiện tượng lao động vần đổi công (thiên về *quan hệ xã hội*) trước đây ngày càng mai một và thay thế bằng hình thức thuê - mướn (thiên về *quan hệ kinh tế*) do chủ thể (người sản xuất) và người làm thuê có quan hệ xã hội lỏng lẻo (không là bà con - hàng xóm như trước đây, các nhóm tổ chức lao động thường từ các địa phương vùng lân cận đến).

Thành viên của các nhóm (tổ) này họ là ai (?): Thường tập trung những hộ có đất ít, lao động và nhân khẩu đông, trình độ văn hóa thấp, không có tay nghề, ít vốn (những yếu tố hạn chế chuyển dịch sang ngành nghề phi nông nghiệp), có kỹ năng sản xuất nông nghiệp (lao động nông nghiệp giỏi), độ tuổi trung niên.

4.4 Giải pháp về nguồn nhân lực nông thôn vùng ĐBSCL

- *Tăng khả năng hấp thụ, thu hút* nhân lực nông thôn thừa: chính sách mở rộng đầu tư cho ngành phi nông nghiệp ngay tại vùng nông thôn hoặc cận nông thôn nhằm tạo cơ hội cho nguồn *nhân lực nông thôn tại chỗ* tiếp cận các ngành nghề hoặc ở thành thị để hút lao động nông thôn thừa là *lao động ngoại vùng*. Chú trọng nguồn nhân lực của nhóm hộ nghèo, hộ ít đất, hộ thiếu vốn...xem yếu tố nhân lực là quyết định cho sự phát triển kinh tế của họ.

- *Nâng cao trình độ nguồn nhân lực* nông thôn thông qua chính sách khuyến học, đào tạo nghề định hướng theo nhu cầu xã hội và thị trường, xây dựng cơ sở hạ tầng giáo dục đáp ứng đủ cho nhu cầu học tập của con em hộ nông dân, nhất là hộ nghèo;

- Xây dựng cơ chế thích hợp cho *thị trường lao động* nông thôn phát triển theo hướng chuyên nghiệp, chuyên môn hóa;

- Nâng cao nhận thức của một bộ phận nông dân về *vai trò của trình độ học vấn - tay nghề chuyên môn*, chính sách bắt buộc họ cho con em đến trường.

- Chính sách khuyến khích các *hình thức hợp tác*, phương thức *tổ chức lao động và cơ giới hóa nông nghiệp* nông thôn qua cơ chế cho vay vốn đầu tư máy móc, đào tạo kỹ năng quản lý, hợp tác xã kiểu mới...

5. Kết luận và kiến nghị

- Xu hướng *tăng vọt giá thuê nhân công* nông nghiệp và lao động vùng nông thôn, là hệ quả của *chuyển dịch lao động* từ vùng nông thôn về thành thị, từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp. Kết quả là nông hộ rất bị động trong sản xuất khi thiếu nhân lực, chi phí sản xuất cho nhân công tăng vọt, giá thành nông sản tăng... và để tồn tại trong điều kiện cạnh tranh bất lợi đó nông hộ có xu hướng áp dụng các kỹ thuật *tiết kiệm lao động* trong hoàn cảnh nội tại của mình nhằm thay thế một phần lao động chân tay, chuyển từ *thâm dụng lao động* sang *thâm dụng vốn - công nghệ*, những kỹ thuật này xuất hiện và lan rộng ở ĐBSCL như cơ giới hóa và nông dược ở một số khâu sử dụng nhiều lao động gia đình, giải phóng sức lao động đáng kể, tạo nhiều cơ hội để lao động gia đình sử dụng hiệu quả, tăng thêm nguồn thu.

- Nguồn nhân lực nông nghiệp dư thừa, chủ yếu là lao động trẻ, có xu hướng tìm việc trong lĩnh vực phi nông nghiệp, khả năng tiếp cận ngành nghề mới khác nghề nông tùy thuộc vào trình độ học vấn và chuyên môn. Tuy nhiên, thực trạng chất lượng nguồn nhân lực nông thôn chưa đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, do đó khả năng thu hút nguồn lao động này của các ngành công nghiệp, dịch vụ và phi nông nghiệp còn rất nhiều hạn chế.

- Vùng nông thôn ĐBSCL trong một thập niên qua đã có những chuyển biến lớn về quan hệ sản xuất và sử dụng nhân lực: từ quan hệ tương trợ truyền thống đã dần dần chuyển sang quan hệ kinh tế dưới dạng thuê khoán công việc giữa người sử dụng lao động và người làm thuê, giữa hộ nông dân với hộ nông dân, giữa hộ nhiều đất - thiếu lao động và hộ ít đất - thừa lao động, giữa hộ có đất và hộ không đất... Từ đó, hình thành quan hệ hợp tác - liên kết sử dụng nguồn nhân lực cho nông nghiệp, là các nhóm (tổ) lao động chuyên nghiệp, chuyên làm thuê và chuyên môn hóa từng khâu, đã và đang góp phần giải quyết sự thiếu hụt lao động nông nghiệp và tạo công việc làm cho bộ phận nông dân ít đất - không đất.

- Điều kiện sản xuất và hoàn cảnh kinh tế của các nhóm hộ có ảnh hưởng nhất định đến việc sử dụng nhân lực gia đình và lao động nông nghiệp. Nhóm hộ khá có xu hướng sử dụng máy móc và nông dược thay thế lao động, lao động gia đình đóng góp một tỉ lệ tương đối thấp cho nông nghiệp, hộ sử dụng phần lớn lao động làm thuê và có xu hướng trở thành người làm chủ trong sử dụng lao động cho sản xuất nông nghiệp. Hộ nghèo thiếu vốn và phương tiện sản xuất, trở thành người làm thuê cho hộ khá-giàu, sức lao động gia đình là nguồn cung nhân lực chính cho nông nghiệp. Tuy nhiên, xu hướng sử dụng lao động tại chỗ ngày càng giảm và tăng nhanh hoạt động làm thuê và phi nông nghiệp.

- Chính sách đào tạo nguồn nhân lực nông thôn vùng ĐBSCL là quyết sách hàng đầu nhằm nâng cao chất lượng lực lượng lao động nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu của ngành phi nông nghiệp. Tiếp tục tăng cơ hội việc làm phi nông nghiệp cho con em hộ nông dân, lao động trẻ nông thôn./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Duong Ngoc Thanh, Le Canh Dung, Vo Van Tuan, et.al (2007). *Transition of labor force and their employment in sub-urban areas of Can Tho City: potential and challenge*, Hội thảo Khoa học Kỷ niệm 30 năm thành lập Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu Long, 308 trang.
2. Đào Thế Tuấn (1997). *Kinh tế hộ nông dân*. Nhà xuất bản chính trị quốc gia.
3. Đặng Kim Sơn (2001). *Công nghiệp hóa từ nông nghiệp: Lý luận, thực tiễn và triển vọng áp dụng ở Việt Nam*, Nhà xuất bản nông nghiệp, trang 67.
4. Frank Ellis (1993). *Kinh tế hộ gia đình nông dân và phát triển nông nghiệp*. Nhà xuất bản nông nghiệp.
5. Hồ Cao Việt (2005). *Đa dạng hóa nông nghiệp: một xu thế của nền sản xuất lúa nước đồng bằng sông Cửu Long*, Báo cáo khoa học, Hội nghị Khoa học Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, 98 trang.
6. Hồ Cao Việt (2001). *Hiệu quả sản xuất lúa nếp và lúa tẻ trong bối cảnh giá lúa thấp: Nghiên cứu trường hợp trồng lúa nếp hay tẻ có lời hơn? Xã Dương Xuân Hội, Châu Thành, Long An*, Thông báo khoa học, Hội nghị khoa học Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam.
7. Hồ Cao Việt (2002). *Phân tích rủi ro trong sản xuất lúa ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và sông Đồng Nai*, Báo cáo khoa học, Hội nghị khoa học Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Hà Nội, tháng 11/2002, 16 trang.
8. Pasuk Phongpaichit and Chris Baker (1999). *Thailand: Economy and Politics*. Oxford University Press.
9. Tổng cục Thống kê (2002). *Kết quả điều tra mức sống hộ gia đình*. Hà Nội.
10. W.W. Rostow (1976). *Les étapes de la croissance économique*.
11. Yu-Kang Mao and Chi Schive (1995). *Agricultural and Industrial Development in Taiwan*. IFPRI.

LABOR TRANSITION OF FARMING HOUSEHOLD IN THE MEKONG DELTA, VIETNAM SINCE 1990s

Ho Cao Viet

Institute of Agricultural Sciences for Southern Vietnam

SUMMARY

Since economic renovation, one of emergent issues in the progress of economic growth in Mekong delta is that the labor transition and improvement of agricultural labor productivity. In recent years, there is a huge amount of low-income farming labor which rural economy was not able to absorb shifting from the rural to urban areas. As a consequence, the lack of seasonal labor force for agricultural activities occurs, increasing of farming labor wage, production costs and cost price of some agri-products tend to move up, the agricultural systems tend to diversified that generate more income for farmer households, non-agriculture activities is speeded up, labor-saving techniques are applied, use of labor has changed from labor-exchanged relationship to labor-hired one and form the professional groups of farmers to hire out in rural areas. In the context of speed-up of labor transition in rural area, it needs to have several macro policies such as: vocational training and professional education for human resource in rural areas, give the relevant measures to generate the job opportunities and to absorb unemployed / underemployed rural labor, to encourage the reallocation and redistribution of labor force in farming activities, to facilitate the labor market and mechanization in rural area.

1. INTRODUCTION

Theoretical approach of Rostow in *The Stages of Economic Development*⁷, in stage of economic take-off, one of major factors of economy is productivity of labor increases until to mature stage of economy, a huge amount of labor force in rural areas move to urban and to other sectors. The labor transition from agriculture to other economic sectors in the context of *push out* of labor exceeds *pull off* or attraction of labor in urban areas (Son, 2001), leads to imbalance of inner supply – demand labor in rural region, lack of seasonal laborer for farming, increase of wage

⁷ W.W. Rostow (1976), *Les étapes de la croissance économique*.

and low competitiveness of agri-products' price. As results, farming households force to apply *labor-saving* and labor-replacement techniques to reduce manual labor. Therefore, the cooperation, professional and specialized organizations of individual farmers has been formed into groups in recent years.

This paper will address and answer the questions: How is dynamics of labor transition in the renovation era of Vietnam economy and its trend in next decades in the Mekong delta (?), What will farming household do in this context (?) and which ones are the best political options?.

The study focuses on farming households who are living in the Mekong Delta which aims to indentify, to analyse and to evaluate the dynamics of intra-household manpower's use in order to give the solutions and political implementation on use of human resource in this region. The surveys were carried out in the representative agri-ecological regions, above 2 thousands samples since 1995-2005 for quantitative and qualitative analyses which based both on critical and theoretical approaches of authors such as: Lewis (1976), Todaro (2003), Barnum-Squire (1979) and Allan Low (1989), Mao and Schive (1995).

2. OBJECTIVES OF STUDY

- Identify, analyse the status-quo and evaluate the dynamics of human capital resource of farming households in the Mekong delta;
- Suggest the politics implementation and reasonable solutions in order to use effectively the human resource in the rural areas in Mekong delta.

3. METHODOLOGY OF RESEARCH

Quantitative (descriptive and comparative statistics analysis) and qualitative (SWOT – Strength, Weakness, Opportunity, Threat analysis) method are both applied this this study basing on databases that were compiled from the socio-economic surveys on 2,215 farming households that are located in the Can Tho, Hau Giang, Long An and Soc Trang provinces in period from 1995 to 2005.

4. DISCUSSION AND RESULTS

4.1 Theoretical models applied for the analysis of labor transtion

- Lewis's model for the unlimited human resource and imperfect market
- Todaro's model for the transition of labor power from rural to urban areas.

- Barnum – Squire and Allan Low’s model on the impact of labor market and laborer’s sexuality.

- Mao and Schive (1995): in the industrial development in Taiwan, the proportion of farming labor increased quickly, contributed considerably for agricultural sector and migrated into urban area and.

4.2 Real situation and trend of labor use in rural areas of Mekong delta:

Almost developing countries in progress of industrialization and urbanization as Vietnam, a large proportion of rural labor force shifts to urban areas for finding the non-agricultural jobs which are probably to bring them better income and they desire to have a better living standard.

Use of agricultural human resource in the Mekong delta: Since middle of 1990s, overall picture of labor force supply-demand:

(i) Farming labor population transferred promptly in diversification of professional activities, so that the opportunity of finding job and migration into urban was increased remarkably;

(ii) Available labor force supplied from rural areas is very high, but labor demand of industrial and service sector in urban is not able to attract all, so that a very high forced jobless, unemployed and under-employed are still very high;

(iii) Non-agricultural sector is not developed strongly enough to solve residue of rural labor and use reasonably it;

(iv) Poor/small land-owned farmers, labor force contributed to agricultural activities is much less than that of richer/ large land-owned farmers. There is a significant relation between the land scale and situation of labor use in Mekong delta;

(v) Rich/large land-owned households tend to apply further mechanics, agricultural chemicals as well as *saving-labor techniques* to replace and reduce manual labor due to their lack of family labor source.

4.2.1 Use of available labor by the sectors and farm size

Results of survey on household’s living standard in 2002⁸: in the Mekong delta, there was 17 percent of capita above 15 year-old hied out in non-agricultural

⁸ General Statistical Bureau (2002). *Results of survey on households’ living standard*. Hanoi.

sector; 15 percent was working in agriculture – forestry – fishery; 48 percent was self-employed in familial activity; 21 percent was self-employed in non-agriculture (small service, agri-products processing, handicrafts... at family scale).

Generally, there was 62 percent of labor force in rural areas engaged agriculture, remainder was non-agriculture.

The socio-economic data of survey in period of 1995-2005 pointed out several emergent problems and phenomenon in term of labor use in Mekong delta:

(i) Relative shortage or seasonal scarcity of farming labor, particularly teenage and young people; the very active transition of young labor force due to the agricultural sector was not sole choice or an opportunity to generate the cash income for their families.

(ii) The popular phenomenon in rural areas was the migration of young people to the cities/urban areas; the old ones and children were still settling in rural. Out of peak time (planting, harvesting season), it was very difficult to find out young workers in rural areas.

The reasons may be pointed out: in one hand, young labors are very dynamic, they have many opportunities to choose/or find the non-farm jobs in urban. Meanwhile, agriculture, particularly rice farming in Mekong delta is not only a single choice and not ensures cash-income for their life. On the contrary, in another hand, old (retired-age farmers) or middle-aged people have less opportunity to find out off-farm, non-farm jobs in both rural and urban areas because they mostly obtain very low education level, they have no non-agriculture professional skills, and don't desire to change their present position situation.

However, labor movement and migration are very common. Per capita income level varies depending on the types of labor hired in or out of agriculture. The more working out of agriculture or rural area, the high per capita income because of the laborers are able to diversify their activities which may bring them much in-cash income. Although the agriculture has been changed to stage of *capital intensive*, but labor productivity is still very low, a huge amount of manual labor in use, and tend to be *labor intensive*.

Rich-class households tend to engage in the high *capital-intensive* and skill activities and absorb the teenage and middle-aged laborers (21-35 years old) (according to Thanh, 2007: in Can Tho province, there is 52 percent of labor force ranged from 15 to 30 years old).

The more agricultural land area, the less quantity of farming labors and time contribution for family farming activities.

Proportion of family labor resource contributed to agriculture in small farmer households is always higher than in rich farmers because almost of high-professional careers need of capital investment, skills which is not available for the poors/small households.

In prediction of agricultural labor demand in next 10 to 20 years in Mekong delta, the capacity of labor heritage in agricultural sector is a very important issue (based on Chayanov's theory on *Farming Household Development Cycle*).

4.2.2 Trend to apply saving-labor techniques in Mekong delta

In Mekong delta, period 1995-2005, agriculture tended to shift to *capital intensive* from *labor intensive* by using further chemicals and machines. Alternatively, there appeared labor-saving technics (application of threshers, harvesters, seedling transplanting and row-sowing machines)...so called *partial mechanism* under small-scale of land in several high-labor used activities. Since 1990s, development of agricultural extension, transferring technologies, agri-chemicals application and mechanization were spread over Mekong delta. The land area was relatively large, rice production occupied 2 to 3 crops yearly but productivity of labor force was still low. Therefore the shortage of labor occurred in some regions and forced farmer households to mechanize and apply saving-labor techniques. Family labor was priority using for farming but its productivity and efficiency were low in comparison with that generated from non-farm activities.

In rice cultivation, harvesting consumed over 30 percent total manual labor, applying of mechanism was likely a *revolution in labor reduction*. In fact, capital investment for buying new machines and hired mechanism has been payed attention of rich farming households because family labor met only 8 to 22 percent of labor demand (1995-2000: 88 percent of rich-class households bought new small tractors and 80 percent owned threshers). Specialization was improved relatively in farming activities.

Why is rural labor force scarce in the peak time in some regions of Mekong delta in recent years? Some studies pointed out that unemployed or underemployed labor issues in rural area was due to limitation of per capita land and high birth rate (in 2002, 1.18 %). Labor shortage for agricultural sector often presented in the regions where are located nearby industrial park and urbanization. Consequently, wage of farming labor tends to increase and several groups of laboreurs were

established themselves and hired out in some specific steps in rice farming as case of Thailand in the years 1960s⁹.

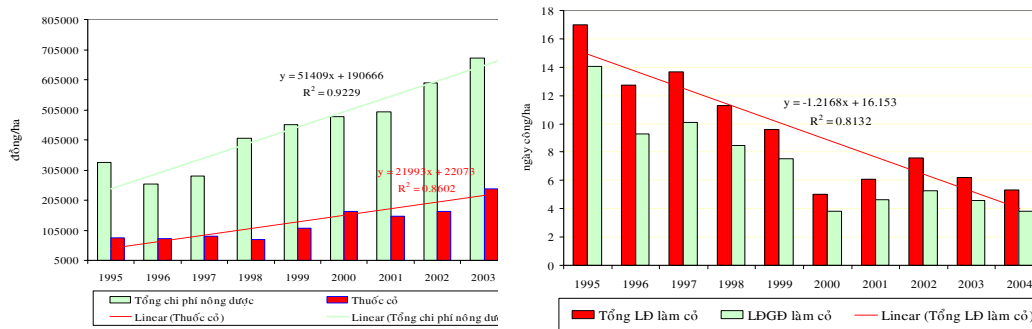
Productive relationship has changed *social relationship* in rural communities, from kinship and relatives relationship shift to *economical relation* (buy-sell relation of labor power, in-cash payment for hired labor), although labor market is not yet formed clearly in rural areas. However, there exists the competition of wage and negotiation between groups of hired laborers (employees) and farmer households (employers). As a result, farming wage moves up and reaches up level of wage in industrial and service sector. It makes a good opportunity for farmers, particularly the poor, small-land and labor-residued households improve their income (Viet, 2005). Wave of young laborer moves temporarily from rural to urban to find a seasonal jobs, then immigrate steadily in urban, that is given an opportunity to approach new technologies and information. As Einhard and Volker (2004) mentioned the issues of farming labor use in developing countries, in Mekong delta the farming household pushes their children into urban, hired/buy house, finding job, living there, then only aged generation continues to engage farming activities, that model is called *pull-push* and it's similarly Chinese policy "leaving rural area but not leaving agriculture" (*Ly hương bắt ly nông*) that encourages upper-class of farmers do not sell their owned land (Mao & Schive, 1995). Finally, the knowledges on agriculture and modern technics, urban civilization are approached and attracted by farmers' children – young farmer generation – then apply and transfer it in rural areas, which probably contribute to improvement of farmer's livelihood.

The labor-saving techniques are being applied in Mekong delta such as: agri-chemicals for reducing weeding impression on rice field, mechanization in land preparation and harvesting paddy, etc. in order to re-organize and reallocate reasonably the labor force in rural areas and farming activities.

There are some typical labor-saving techniques in the Mekong delta:

* *Use of agri-chemicals* saves a lot of manual labor power (reducing by 5 percent in 1995-2004) and the cost of herbicide tends to increase. But application of agri-chemicals requires the skill, technique and capital investment. Therefore, the poor-class household used it at level lower than rich-class (graph 1).

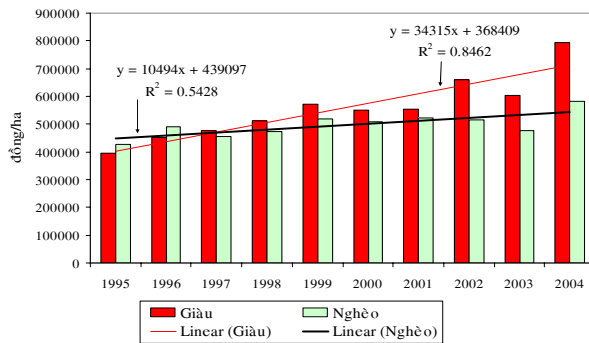
⁹ Pasuk Phongpaichit and Chris Baker (1999): *Thailand: Economy and Politics*, Oxford University Press.



Graph 1. Trend to apply agri-chemicals in Mekong delta, 1995 - 2004

Is the poor able to apply labor-saving techniques in Mekong delta? Generally, in the context of high farming wage, the poor only spend partly their family labor force on the on-farm and farming activity, they used further herbicides even their feasible manual labor supply is exceed labor demand of farming. The unemployed or underemployed of farming labor will be used in non-agricultural sector and off-farm activities to earn more income for their life. Opportunity of cash earning generates from non-farm activities has helped the poor farmers to expense for hired machines as well as buying agri-chemicals.

* *Mechanization*: The farm machine models that based on the improvement the models of International Rice Research Institute (IRRI) were introduced early into Mekong delta to apply mainly in land preparation. In whole Mekong region, the quantity of machines and cost of hired machines tend to move up, but the capital investment for buying new machines was not variation. In period of 1990-2000, the mechanization in land preparation and harvesting caused the high cost of hired machines. The richer farming households, the faster in mechanization because of labor force shortage that family labor resource wa not able to meet the demand and farm size was relative large (graph 2). In rice cultivation, demand of manual labor in harvesting was about 30 percent of total of labor in each crop, so that mechanization in harvest is so called *labor-reducing revolution* in Mekong delta in recent years.



Graph 2: Trend of mechanization in farming in Mekong delta, 1995 – 2004.

* *Reasonable use of labor and reallocation of labor force*: This is a measure to save manual labor spending on farming. Rich households often own large farm area but family labor supply meet solely from 8 to 22 percent of labor demand. The most of hard, toxicant farming jobs are not mechanized such as pesticide application, transportation, gathering and sheaving paddy and straw...Some factors influenced to mechanization of this group of farmers:

- (i) Depending on hired labor in the circumstance of unstable labor supply and unavailable labor market;
- (ii) In-cash capital must be available for hiring labor force;
- (iii) Increasing the variable costs and depreciation cost in farming activities;
- (iv) And reducing cost-price comparative advantage of some agri-products (Viet, 2005) (*Sensitive analysis*: hired- machine cost increases by 10 percent resulted 27 percent of cost production increased and unit price moved up 1.27 folds (Viet, 2002; Viet, 2001);

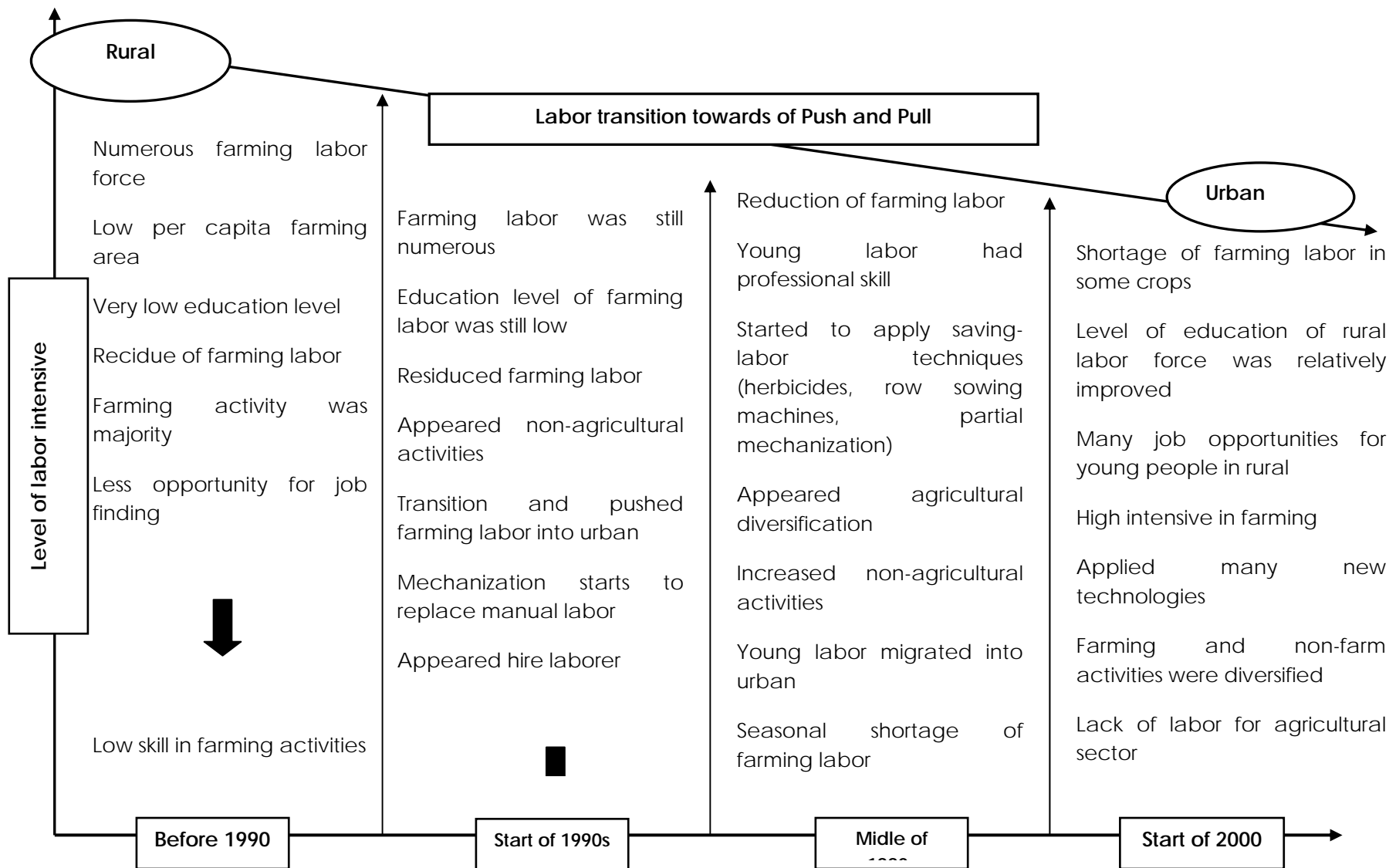
In 1995 – 2000: there were 87.5 and 80 percent of rich farmers bought tractor and thresher, relatively. Many households invested rice-dryers in order to improve the quality of rice and apart of machines is hired as agricultural service. In many households, the good harvest with huge quantity of paddy (60 – 65 tonnes per year)¹⁰, they must apply mechanization in the post-harvest stage. However, the amount of machines is reducing in recent years because of:

¹⁰ Socio-economic survey, 2003-2004: Average paddy yield is 5,255 kgs per hectare; area of paddy per household per crop is 6.15 hectares; cultivated 2 rice crops per year.

(i) Lack of family labor for management, maintenance and effective exploitation;

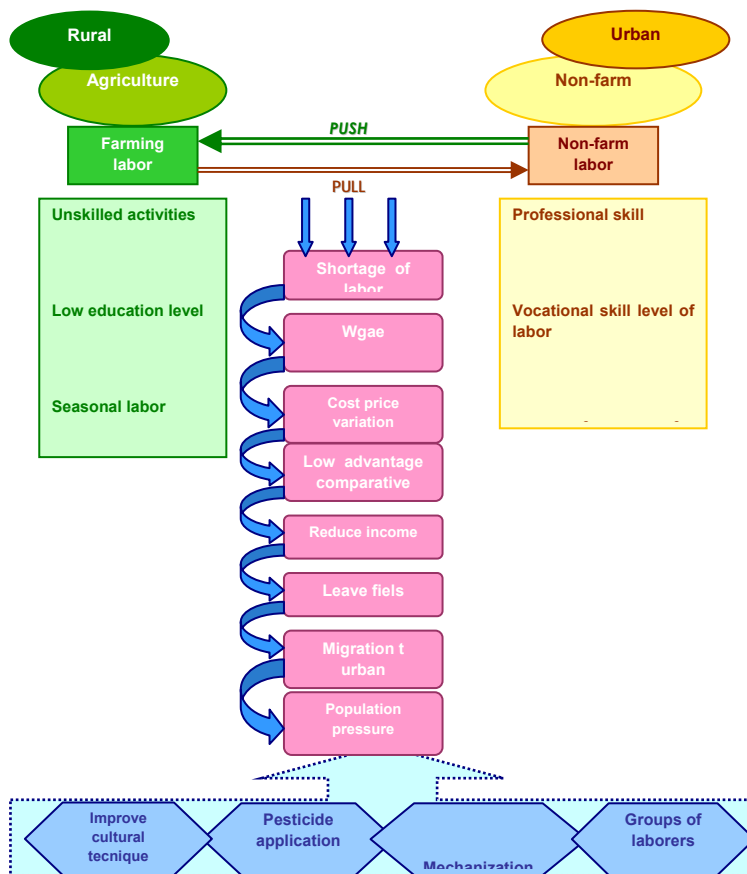
(ii) Service of hired farm-machine is developed fastly in recents years, so that machinces are always availablbe for farming activities.

(iii) Rice farming and agricultural sector is specialized in recent years.



Graph 3. Dynamic of labor transition in Mekong delta

4.3 Causes and influences of labor transition in Mekong delta



Graph 4. Labor transition in rural areas and its impacts

The reason, causes and impacts of labor transition in rural area is summarized in this graph.

4.3.1 Shortage of farming labor force

Why is labor scarce in the rural areas of Mekong delta in recent years?

The shortage of farming labor was observing in recent years, during period of 1995-2004, manual labor reduced by 50 percent. However, in order to mechanize effectively, it needs some conditions such as:

- (i) Land area or farm size is large enough to mechanize;
- (ii) Capital investment;
- (iii) Professional level and skill to control and manage the tools and machines;
- (iv) Trend of economy and social custom.

The poor farming households tended to employ family labor force much more than that of rich ones. There was 30 percent of family labor engaged in non-farm or off-farm activities. On the contrary, rich farmers tended to hire labor for farming, 30 percent of their family labor employed themselves, 60 percent engaged in non-farm and service activities (ploughing, planting, harvesting and transportation by machines). A large amount of poor households' laborer employed for rich farmers, so that the labor market was gradually formed in rural area. As a consequence, unemployed or underemployed farming labor force has many opportunities finding the job and improving their family's income for landless and low-land farming households.

The general trend in use of labor force in different group of households:

- (i) Quantity of farming labor employed in rich households is lower than that in the poor ones;
- (ii) Application of labor-saving techniques is still limited in poor households;
- (iii) A large quantity of family labor of poor farming households self-employed in farming activities.

4.3.2 Impacts of labor transition

What does labor shortage affect on rural areas?

Due to labor transition was quickly in Mekong delta in last decade resulted the impacts:

Most of farming households' young labors were not equipped the professional skill and education level to meet the requirements of integrating into industrialization, service sector in the urban and cities. Finding the jobs of young people focused mainly on hard works, low-wage jobs because they have no choice in rural areas with landless or smallland circumstance;

As amount of huge labor in rural areas was pushed and pulled into the urbans, the lack of farming labor was taking places in the Mekong delta. Consequently, wage of labor moved up, quality of labor was low, cost of labor input increased, efficiency of production also reduced. In large view, some of agri-products will be lowered comparative advantage due to its higher cost prices;

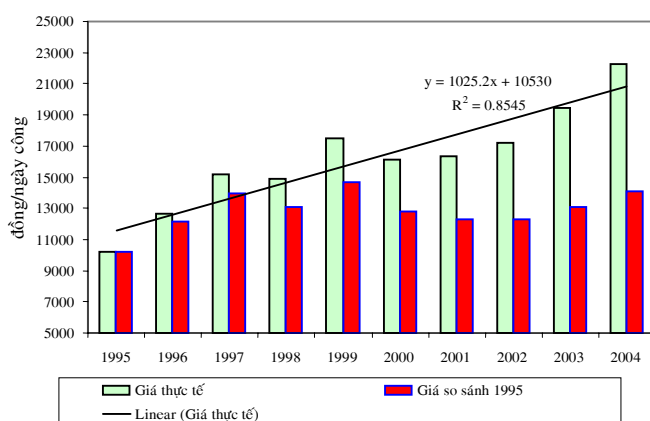
Urban areas and environs of large cities are being affected by the population pressure and socio-economic life is under impacts of migration;

Shortage of labor and labor-saving techniques, particularly over-dosed application of agri-chemicals affected on environments, rural people health that have been warned by scientists.

Fluctuation of wage in rural areas and farming activities:

As mentioned above, the labor of poor households hired out to form the labor market in rural areas, so that many farmers become hired laborers and wage of farming labor was very competitive and tends to move up (manual labor for weeding in rice cultivation varied from VND¹¹ 6,000 – 15,000 in 1995 to 15,000 – 35,000 per manday in 2004). The movement of young rural people into urban areas was very fast but most of them were not equipped professional skills to meet requirements of industrial and service sectors. Consequently, production costs of some agri-products might be higher leads to its low competitiveness. Calculated by price of 1995, wage increased by 57 percent (from VND 11,000 to 18,000 per manday). The real price also varied from VND 10,000 to 22,000 by the similar trend of compared price of 1995 (graph 5).

Generally, the farming wage varied highly in period 1995-2004 in Mekong delta. This trend was observed in the regions where rural people have many opportunities to find the non-farm/off-farm jobs or on-farm activities are very diversification. Therefore, the gap of wage in rural and non-rural areas reduced and labor market appears in recent years.



Graph 5. Wage variation of farming hired-labor in Mekong delta, 1995-2004.

How does specific group of labors form in Mekong delta? The forms of association/cooperation in agriculture and rural areas have been gradually developed and diversified towards the trend of specialization which aims to reduce and mitigate risks and constraints in farming activities due to shortage of labor.

Actually, in Mekong delta, there're existing 2 socio-economic classes of households:

- (i) Small-land and labor-underemployed households;
- (ii) Large-land and labor-shortage ones;

¹¹ Vietnamese currency, in 2007, USD 1 equals VND 16,030.

The first has unemployed or underemployed labor that might meet demand of the second one, they employed their labor force in an informal labor market under the associated forms that organize the groups of employees which might give the abundant labor force for intensive-farming regions.

These groups have eliminated the *traditional modality* of labor use is that *labor exchanged* (without in-cash payment) and replaced by *economic modality* (hired out labor, in-cash payment).

Who do participate in these groups? These groups gather all small land-owned farmers, numerous labor and capita per family, unskilled laborers, less-capital households (the factors constrained the shifting from agriculture to non-agriculture), middle-aged unemployed or underemployed people.

4.4 Solutions for labor resource in Mekong delta

Strengthen availability of labor use by further reinvestment for non-agriculture sectors in rural areas and suburbans to give opportunity for *inner-region* laborer finding the job in urban or attract *external-region* laborer.

Improve quality of human resource in rural areas; particularly pay attention on the poor farmer households through the vocational education, training professional skill towards demand of society and market. Beside that it should facilitate the poor's children approaching education as much as possible.

Build up relevant institutions of *labor market* towards trend of specialization and professionalization in rural areas.

Improve the awareness of farmer households on given their children to schools by the relevant policies.

Encourage organizational modality and labor use in farming activities by establishing groups of farmers, to invest for mechanization by policy of credit, training on skill of management and new-modern cooperatives.

5. CONCLUSION AND SUGGESTION

Labor transition from rural to urban areas results the variation of wage in farming activities. By this way, the farmer households have to deal with shortage of labor, high labor cost and cost price of agri-products, etc. In order to exist in this unfavorable circumstance, households tend to apply the labor-saving techniques in their socio-economic condition to replace partly manual labor force, they also shift from labor-intensive to capital and technical-intensive, these updated techniques which released manual labor such as mechanization and herbicide application have covered and spreaded out overall Mekong region. Consequently, this progress has speeded up opportunity for underemployed and unemployed finding jobs and generating their family income from non-farm activities.

Unemployed and underemployed labor force in rural areas, mainly young people, tend to find out non-farm works but their integration into industrial and service sectors depending on their educational level and professional skill which are disadvantages of farming laborers. Actually, the quality of rural-originated labor force does not meet the demand and requirement of labor market in urban or industrialized zones.

In the last decade, the relationship in agricultural sector and labor use has been changed considerably in Mekong delta: the shifting of traditional relationship into economical relationship under the contract between farmer households and hired laborers, landless – less family labor households large-size land ones...As a result, it appeared the collaboration – association in reallocation and redistribution of labor resource in agricultural activities, the professional groups of laborers have supplied labor power, hiered out labor, met demand of labor shortage, created jobs for landless people.

The *social-economic conditions* of farmer households have influenced to use of their labor resource for agriculture. The rich households tend to use machines and agri-chemicals to replace for manual labor, their family labor contributed a relative low proportion of labor force for agriculture, they often engaged in non-farm activities and were managers the labor resource for farming. On the contrary, poor households hired out labor for rich households, most of family labor force contributed on agriculture or self-employed in farming activities. However, non-fam and off-farm activities tend to speed up in recent years in rural areas of Mekong delta.

The policy on *vocational training and education* for rural labor force in Mekong delta has been the most important factor to improve the quality of farming labor, to meet the demand of industrialization and non-agricultural sector. The non-farm job creation in rural areas for young unemployed or underemployed people is a key factor to improve standard living of rural families in recent years.

BIBLIOGRAHY

Duong Ngoc Thanh, Le Canh Dung, Vo Van Tuan, et.al (2007). *Transition of labor force and their employment in sub-urban areas of Can Tho City: potential and challenge*, proceeding of workshop held in the Mekong Dekta Rice Institute, 308 pages (in Vietnamese and English).

Dao The Tuan (1997). *Economy of farmer households*. Political Publishing House (in Vietnamese).

Dang Kim Son (2001). *Industrialization from Agriculture: Theoretical, Practical and Prospective Approach for Vietnam*, Agricultural Publishing House, page 67 (in Vietnamese).

Einhard S., Volker K. (2004), *Splits households*, D+C Development & Cooperation, Volume 31, pp.464-467.

Frank Ellis (1993). *Family household economy and agricultural development*, Agricultural Publishing House (in Vietnamese).

General Statistical Bureau (2002). *Results of survey on household's living standard*. Hanoi. (in Vietnamese).

Ho Cao Viet (2005). *Diversification in Agriculture: A Trend in Rice Culture in Mekong delta*, Report presented in the workshop of Institute of Agricultural Sciences for Southern Vietnam, 98 pages (in Vietnamese).

Ho Cao Viet (2001). *Productive efficiency of glutinous rice and ordinary rice in the low-price circumstance: Case studies in Duong Xuan Hoi village, Long An province*. Working paper presented in the workshop of Institute of Agricultural Sciences for Southern Vietnam (in Vietnamese).

Ho Cao Viet (2002). *Risk analysis in rice production in Mekong and Dongnai delta provinces*, Report presented in the workshop of Ministry of Agriculture and Rural Development held in Hanoi, November 2002, 16 pages (in Vietnamese).

Pasuk Phongpaichit and Chris Baker (1999). *Thailand: Economy and Politics*. Oxford University Press.

W.W. Rostow (1976). *Les étapes de la croissance économique*.

Yu-Kang Mao and Chi Schive (1995). *Agricultural and Industrial Development in Taiwan*. IFPRI.